TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày: 19 - 01 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo.
Ông Vũ Xuân Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định, mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 01/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Hữu Đ** - sinh 2000 tại xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Hữu Đ2, sinh năm 1977 và bà Tạ Thị T, sinh năm 1978 cùng trú tại thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định; vợ: Phạm Thị Quỳnh H , sinh năm 2005; con có 02 con: con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2022; gia đình có 02 anh em bị cáo là con thứ nhất; tiền án: không; tiền sự: không; Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/7/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Có mặt.

Bị hại: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.
- *Người tham gia tố tụng khác:*
Những người làm chứng:
- Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2004; Vắng mặt.
- Chị Tạ Thị T, sinh năm 1978; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2021, Phạm Hữu Đ có quen biết và nảy sinh tình cảm với chị Phạm Thị T, chị T có chồng là Đặng Văn T, làm nghề in quảng cáo tại thôn Khang Giang, xã Yên Đồng. Trong thời gian quen biết, Đ có vay tiền của chị T một số lần và cũng được chị T cho tiền để tiêu sài cá nhân. Khoảng cuối tháng 7/2021, biết chị T có tiền và thường cho Đ tiền nên Bùi Thanh T1, sinh 1990, trú tại thôn C xã K, huyện Y, tỉnh Nam Định đã bàn bạc với Đ với nội dung là Đ nợ T1 số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và nói việc nợ tiền này cho chị T biết để chị T trả nợ thay cho Đ. Khi chị T đi chăm mẹ chồng ốm phải nhập viện ở thành phố Nam Định. T1 đã nói với Đ rủ chị T vào nhà nghỉ để quan hệ tình dục rồi quay lại video. Đ đồng ý. Sau đó, T1 gọi taxi cho Đ đi ra thành phố Nam Định và cho Đ mượn điện thoại của T1 để Đ quay video. Đ đến gặp chị T rồi cùng chị T vào một nhà nghỉ trên địa bàn thành phố Nam Định để quan hệ tình dục, khi quan hệ xong, chị T ngồi trên giường mặc áo thì Đ dùng điện thoại (mượn của T1) quay lại video hình ảnh của chị T dài khoảng 7-8 giây. Sau đó, Đ mang đoạn video này về đưa cho T1 xem. Hôm sau, T1 gọi điện cho chị T nói có video của chị T và Đ trong nhà nghỉ và nói Đ nợ T1 số tiền 40.000.000 đồng. Sau đó, chị T gọi điện cho Đ hỏi thì Đ nói: "Có vay của T1 số tiền 40 triệu đồng". Đ gọi điện, nhắn tin cho chị T bảo chị T đưa cho Đ số tiền 40.000.000 đồng để trả cho T1 thì T1 sẽ đưa Video trong nhà nghỉ của chị T để xóa Video và nói nếu không đưa tiền thì T1 sẽ đưa video cho anh T, chồng chị T xem. Sau đó Đ nhiều lần gọi điện, nhắn tin yêu cầu chị T chuyển tiền cho Đ để đưa cho T1. Khi chị T chưa có tiền để đưa cho Đ thì T1 đã đến gia đình chị T gặp anh T để nói chuyện nhưng chị T không có ở nhà nên anh T gọi điện cho chị T thì chị T nói không biết chuyện gì, chị T lo sợ không đưa tiền cho Đ và T1 thì sẽ bị lộ việc có quan hệ tình cảm với Đ sẽ ảnh hưởng đến danh dự bản thân và hạnh phúc gia đình. Sau đó, chị T đã nhiều lần đưa tiền mặt và chuyển cho Đ với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Khi nhận được tiền thì Đ có đưa cho T1 và cùng T1 tiêu sài số tiền này (hiện chưa làm rõ được số tiền ăn chia giữa Đ và T1 do T1 đang bỏ trốn). Đến khoảng tháng 8/2021 Đ tiếp tục nói với chị T là người khác cũng có video của chị T và yêu cầu chị T đưa số tiền 10.000.000đ để xóa video. Do lo sợ chị T đã chuyển cho Đ số tiền 10.000.000đ. Sau khi nhận được tiền của chị T, Đ chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng cuối tháng 10/2021 chị T có gặp T1 để hỏi về việc tiền nong với Đ thì T1 nói với chị T là Đ lừa tiền chị đấy. Chị T gọi điện cho Đ hẹn xuống nhà T1 nói chuyện cho rõ ràng. Chị T đi một mình lên thôn C, xã K đợi Đ, Đ đến gặp Lê Mạnh H, sinh năm 1977 trú tại thôn T, xã B nhờ H đi cùng Đ đến gặp, nói chuyện với T1, Hùng rủ thêm Mai Đức K, sinh năm 1996 trú tại thôn N, xã L huyện L, tỉnh Hà Nam và Nguyễn Thế T 2, sinh năm 2001 ở tổ 8 thị trấn L, huyện

Y, tỉnh Nam Định đi cùng. Đến nơi, do T1 không có nhà nên tất cả ra về. Mấy hôm sau K đòi Đ trả tiền công việc K đi cùng Đ nhưng Đ không có tiền trả thì K bảo với Đ đến gặp chị T để hỏi xin tiền chị T để trả K. Đ đến hỏi chị T để lấy tiền trả công cho K nhưng chị T không đồng ý. K bảo Đ đưa K đến nhà chị T để đòi tiền công nhưng vợ chồng chị T, anh T không đồng ý trả với lý do chị T không nhờ, không thuê ai đòi tiền hay làm việc gì cả . Sau đó K nhiều lần gọi điện cho anh T nói có video của chị T trong nhà nghỉ, yêu cầu anh T phải đưa số tiền 10.000.000đ thì sẽ đưa video của chị T cho anh T. Lúc này việc chị T có quan hệ tình cảm và có video trong nhà nghỉ với Đ bị anh T biết nên chị T làm đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tiền của Đ, T1.

Ngày 14/7/2022, cơ quan CSĐT – Công an huyện Ý Yên đã ra quyết định khởi tố vụ án , khởi tố bị can đối v ới Phạm Hữu Đ , Bùi Thanh T1 về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự . Quá trình điều tra, Bùi Thanh T1 đã bỏ trốn không xác định được đang ở đâu, cơ quan CSĐT – Công an huyệ n Ý Yên đã ra Quyết đ ịnh truy nã bị can đối với T1. Ngày 08/12/2022 cơ quan CSĐT – Công an huyện Ý Yên ra quyết định tách vụ án đối với bị can Bùi Thanh T1 để giải quyết sau.

Đối với số tiền chiếm hưởng trái pháp luật do Đ và T1 đã tiêu sài hết, Bùi Thanh T1 đã bỏ trốn, bị cáo Đ đã tác động gia đình tự nguyện trả lại cho gia đình anh T và chị T số tiền 50.000.000 đồng. Anh T, chị T đã nhận lại số tiền trên và không có yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra xác định Mai Đức K nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho anh T nói có video quay cảnh chị T trong nhà nghỉ và yêu cầu anh T phải đưa số tiền 10.000.000 đồng thì sẽ đưa video của chị T cho anh T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ý Yên đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Mai Đức K về tội "Cưỡng đoạt tài sản" và điều tra theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, xác định ngoài tổng số tiền 50.000.000 đồng chị T bị đe dọa chiếm đoạt, chị T còn nhiều lần đưa, chuyển tiền cho Đ. Tuy nhiên, đây là tiền chị T cho và cho Đ vay là quan hệ dân sự, không có dấu hiệu của tội phạm. Vì vậy, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ý Yên không xem xét, giải quyết.

Tại cơ quan CSĐT - Công an huyện Ý Yên Phạm Hữu Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 05/C.Tr-VKS- YY, ngày 04/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Phạm Hữu Đ về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố về tội "Cưỡng đoạt tài sản" là đúng người, đúng tội, không oan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà trình bày quan điểm luận tội giữ nguyên nội dung Cáo trạng số 05/C.Tr-VKS-

YY, ngày 04/01/2023 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Hữu Đ phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" và đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt Phạm Hữu Đ từ 36 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2022.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Phạm Hữu Đ đã tác động gia đình để hoàn trả lại cho chị T số tiền 50.000.000đ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị cáo không còn ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ý Yên tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Hành vi phạm tội của bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay. Lời khai phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được cơ quan điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với sự thật khách quan. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7 và tháng 8 năm 2021 Phạm Hữu Đ đã có hành vi dùng video quay hình ảnh tại nhà nghỉ với chị Phạm Thị T để đe dọa và đã 02 lần chiếm đoạt số tiền của chị T, lần thứ nhất chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng, lần thứ hai chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền Phạm Hữu Đ chiếm đoạt là 50.000.000 đồng.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi mà bị cáo thực hiện là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội; trực tiếp xâm phạm tới tài sản của người khác được nhà nước bảo hộ, gây mất ổn định an ninh trật tự tại địa phương, bị cáo vì muốn thỏa mãn nhu cầu của cá nhân, coi thường pháp luật vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành

tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên truy tố là có căn cứ.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình để hoàn trả số tiền chiếm đoạt cho bị h ại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhi ệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy đây là vụ án có nhiều người tham gia, gây mất trật tự an ninh, chính trị tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân do đó cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về hành vi của Bùi Thanh T1, Mai Đức K đã được cơ quan CSĐT – Công an huyện Ý Yên tách ra để xử lý theo quy định . Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí hình sự: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu Đ phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

- Xử phạt bị cáo Phạm Hữu Đ 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/7/2022.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Hữu Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống Đ hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh, huyện Y;
- Công an huyện Y;
- T.H.A dân sự huyện Y;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã T, huyện Y;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm